

NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM (1954-1975)

TS NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG

Trường Đại học Thương mại

Ngày nhận:

7-2-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

7-3-2025

Ngày duyệt đăng:

10-3-2025

Tóm tắt: Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong giai đoạn 1954-1975, trên cơ sở lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô áp dụng vào thực tiễn Việt Nam, Đảng đã bước đầu hình thành nhận thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Bài viết làm rõ một số nội dung cơ bản trong nhận thức của Đảng: mục tiêu và mô hình chủ nghĩa xã hội; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; về nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Từ khóa:

Nhận thức của Đảng; chủ nghĩa xã hội; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; 1954-1975

Từ sau Chiến tranh thế giới thứ II, hệ thống XHCN được hình thành và phát triển trên thế giới. Liên Xô - nước XHCN đầu tiên trên thế giới đã đạt được thành tựu to lớn về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, tạo ra sức mạnh cho phe XHCN. Sự lớn mạnh của Liên Xô và phe XHCN đã góp phần thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc phát triển mạnh ở châu Á, châu Mỹ La tinh, châu Phi và phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước TBCN. Đây là những thuận lợi rất lớn cho miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH. Bên cạnh thuận lợi, miền Bắc Việt

Nam đi lên CNXH cũng gặp khó khăn, thách thức rất lớn: đế quốc Mỹ với tiềm lực kinh tế và quân sự lớn mạnh đã triển khai chiến lược toàn cầu; khu vực châu Á-Thái Bình Dương, Việt Nam trở thành trọng điểm trong chiến lược toàn cầu của đế quốc Mỹ.

Hiệp định Genève được ký kết (7-1954) đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam. Theo Hiệp định, hòa bình được lập lại ở ba nước Đông Dương, nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các dân tộc Việt Nam, Lào, Campuchia được công nhận. Miền Bắc được giải phóng.

Nhưng trước sự can thiệp của đế quốc Mỹ, miền Nam Việt Nam dần trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ. Đất nước tạm thời bị chia cắt làm hai miền. Miền Bắc, sau khi được giải phóng, tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ còn lại của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nhiệm vụ tiếp theo của miền Bắc là tiến hành cách mạng XHCN. Những thuận lợi, khó khăn của tình hình thế giới và trong nước đã tác động mạnh mẽ đến công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc giai đoạn 1954-1975.

1. Nhận thức về mục tiêu và đặc trưng chủ nghĩa xã hội

Trước năm 1954, CNXH là mục tiêu hướng tới, chưa có điều kiện triển khai xây dựng trực tiếp ở Việt Nam. Lý luận về CNXH chưa được đề cập cụ thể, chi tiết trong các văn kiện Đảng. Đến năm 1954, xây dựng CNXH là nhiệm vụ trực tiếp của cách mạng miền Bắc. Nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH dần được hình thành trong giai đoạn 1954-1975. Nhận thức này được phản ánh trong văn kiện Đảng giai đoạn 1954-1975, đặc biệt là văn kiện Đại hội III (9-1960) và qua nhiều tác phẩm, bài nói của lãnh đạo Đảng, Nhà nước.

Trong Diễn văn khai mạc Đại hội III của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định xây dựng CNXH ở miền Bắc nhằm “làm cho miền Bắc nước ta có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, có văn hóa khoa học tiên tiến, làm cho nhân dân ta có một đời sống ngày thêm no ấm, vui tươi”¹. Đây chính là phác thảo bước đầu trong nhận thức của Đảng về mục tiêu và mô hình của CNXH ở miền Bắc.

Về mục tiêu chung, cách mạng XHCN ở miền Bắc hướng tới xây dựng xã hội mà ở đó nhân dân được hưởng đời sống tốt đẹp, ấm no, hạnh phúc. Bên cạnh mục tiêu chung, Đảng

đưa ra quan điểm về CNXH, được thể hiện trên các lĩnh vực cụ thể. Đời sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân phải được xây dựng trên nền tảng phát triển của kinh tế, văn hóa, xã hội... Vì vậy, trên lĩnh vực kinh tế, chế độ XHCN phải có công nghiệp, nông nghiệp hiện đại. Cách mạng XHCN nhằm “xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, xóa bỏ bóc lột và giai cấp bóc lột, thực hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, mở đường cho sức sản xuất từ trình độ lạc hậu tiến lên trình độ hiện đại, do đó mà phát triển sản xuất đến cao độ, làm cho nhân dân lao động vĩnh viễn thoát khỏi cảnh nghèo đói”². Tức là, CNXH phải có nền kinh tế với nền sản xuất lớn, cân đối, có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại. Về quan hệ sản xuất, CNXH không còn chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, thực hiện chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, mở đường cho sức sản xuất phát triển. Từ đó, xã hội không còn bóc lột và giai cấp bóc lột. Ngoài ra, CNXH đòi hỏi có một nền văn hóa và khoa học tiên tiến. Xét ở bản chất hòa bình, hữu nghị của chế độ XHCN, đường lối chung của miền Bắc trong thời kỳ quá độ tiến lên CNXH đã khẳng định “... đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới”³.

Nhận thức của Đảng về mục tiêu và đặc trưng của CNXH giai đoạn này về cơ bản có sự đồng nhất với lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, đặc biệt ở mục tiêu cao nhất là tất cả vì con người. Bên cạnh đó, nó cũng chứa đựng yếu tố riêng biệt khi đặt cách mạng XHCN của miền Bắc trong mối quan hệ với cách mạng cả nước và cách mạng thế giới.

2. Nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, khả năng tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa

Việc hoàn thành hai nhiệm vụ cơ bản của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (đánh thắng thực dân Pháp và hoàn thành cuộc vận động cải cách ruộng đất, xóa bỏ chế độ chiếm hữu phong kiến đối với ruộng đất) đã mở đường cho cách mạng miền Bắc bước sang một giai đoạn mới. Đại hội III của Đảng chủ trương: “Phương hướng tiến lên của cách mạng ở miền Bắc chỉ có thể là chủ nghĩa xã hội, chứ không thể là chủ nghĩa tư bản”⁴. Mặc dù, Đảng xác định khó khăn rất lớn của miền Bắc là đi lên CNXH từ một xuất phát điểm rất thấp nhưng Đảng vẫn thể hiện quyết tâm, sự tự tin khi khẳng định miền Bắc “có đủ điều kiện để bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội”⁵.

Quan điểm này không phải đến Đại hội III mới có. Con đường tiến thẳng lên CNXH ở Việt Nam đã được khẳng định trong Luận cương chính trị (10-1930) của Đảng khi xác định cuộc cách mạng Đông Dương sẽ là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền; tư sản dân quyền cách mạng thắng lợi sẽ bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường XHCN. Đến năm 1954, miền Bắc giải phóng, nhiệm vụ xây dựng CNXH được đặt ra trực tiếp. Quan điểm tiến thẳng lên CNXH tiếp tục được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định tại Kỳ họp lần thứ 8 Quốc hội khóa I (4-1958). Người nhấn mạnh, từ ngày hòa bình lập lại, miền Bắc đã từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chuyển sang cách mạng XHCN. Tại Đại hội III, Đảng xác định miền Bắc có đủ điều kiện tiến thẳng lên CNXH, bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN. Nhận thức này của Đảng xuất phát từ sự phân tích cả cơ sở lý luận và thực tiễn.

Thứ nhất, xét theo nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, các quốc gia có hai hình thức quá

độ lên CNXH. Đó là quá độ trực tiếp từ CNTB hoặc có thể quá độ gián tiếp từ hình thái kinh tế-xã hội khác. V.I.Lênin đã chỉ ra rằng, “đối với các dân tộc lạc hậu hiện nay đang trên con đường giải phóng và sau chiến tranh đã có một bước tiến bộ, mà khẳng định rằng nền kinh tế quốc dân của những dân tộc đó nhất định phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta có cho như vậy là đúng hay không? Chúng tôi cho rằng không đúng... Quốc tế cộng sản còn phải xác định và chứng minh trên lý luận cho một nguyên tắc đó là: với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô-viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”⁶. Tức là, cách mạng XHCN không bắt buộc phải diễn ra ở những nước TBCN phát triển mà có thể diễn ra ở những nước nông nghiệp lạc hậu.

Thứ hai, xuất phát từ hạn chế của CNTB. “Chủ nghĩa tư bản là bóc lột, áp bức, đói rét, đau khổ. Giai cấp công nhân và nông dân lao động Việt Nam, sau khi đã đánh đuổi chủ nghĩa đế quốc và tiêu diệt thế lực phong kiến ở miền Bắc, sau khi đã nắm được chính quyền Nhà nước trong tay, tất nhiên không thể lại đi vào con đường tư bản chủ nghĩa là con đường tự sát”; “Cách mạng ở miền Bắc không thể đi vào con đường chết, mà phải đi vào con đường sống”, phải tiến lên CNXH bỏ qua giai đoạn TBCN⁷.

Thứ ba, từ sự phát triển của các nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô. Sau Chiến tranh thế giới II, hệ thống các nước XHCN đã hình thành và lớn mạnh trên thế giới. Công cuộc xây dựng XHCN ở Liên Xô đạt được thành tựu lớn trên tất cả phương diện. Năm 1957, Liên Xô phóng vệ tinh nhân tạo. Năm 1960, Liên Xô đưa con người lần đầu tiên vào vũ trụ. Những sự kiện đặc biệt, cùng với sự lớn mạnh chung đã thể hiện sự phát triển

mạnh mẽ của Liên Xô, là cơ sở thực tiễn, chỗ dựa cho niềm tin của các nước XHCN vào mô hình CNXH Xô viết mà không có sự lặn tẩn, hay nghi ngờ. Hầu hết các nước XHCN thừa nhận vai trò trụ cột, thành trì về mọi mặt của Liên Xô, thừa nhận những kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Liên Xô là những kinh nghiệm có tính chất phổ biến. Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội III viết: “hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới do Liên Xô vĩ đại đứng đầu đã lớn mạnh vượt bậc và đã trở thành nhân tố quyết định trong sự phát triển của tình hình quốc tế. Lực lượng so sánh trên thế giới đã biến đổi một cách căn bản, ưu thế rõ rệt đã thuộc về các lực lượng xã hội chủ nghĩa, độc lập, dân tộc và yêu chuộng hòa bình”⁸. Đảng nhận định thời đại hiện nay là thời đại của CNXH đang chiến thắng. “Đó là một thuận lợi căn bản cho công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, bảo đảm cho miền Bắc có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa mà tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội”⁹.

Thứ tư, từ thực tiễn cuộc đấu tranh giai cấp ở miền Bắc trước đó, tính đến năm 1960, kinh tế TBCN tư doanh và giai cấp tư sản dân tộc ở miền Bắc thực sự không lớn mạnh, số lượng, vị thế kinh tế, chính trị đều nhỏ yếu. Sau khi hòa bình được thiết lập ở miền Bắc, những thành phần này về cơ bản vẫn tán thành cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc, không có sự phản kháng gay gắt, mạnh mẽ nên rất có khả năng tiếp thu cải tạo XHCN. Mặt khác, chúng ta có chính quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo, có liên minh công nông bền chặt, được quần chúng nhân dân ủng hộ nên miền Bắc có thể tiến hành cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh một cách hòa bình.

Như vậy, việc Đảng lựa chọn đưa miền Bắc đi lên CNXH, dựa trên những cơ sở lý luận và thực

tiễn rất vững chắc. Đặc biệt là sự lớn mạnh của các nước XHCN từ sau Chiến tranh thế giới II là cơ sở thực tiễn quan trọng để Đảng tin tưởng vào khả năng tiến thẳng lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN ở miền Bắc.

3. Nhận thức về nội dung của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Về thời gian, bước đi: Đảng xác định thời kỳ quá độ là thời kỳ Đảng tiến hành cuộc cách mạng XHCN, tức là “bắt đầu từ khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và sẽ kết thúc khi chúng ta đã căn bản hoàn thành xây dựng chủ nghĩa xã hội”¹⁰. Những năm đầu sau ngày miền Bắc giải phóng, Đảng nhận định quá trình thiết lập chế độ XHCN ở Việt Nam phải trải qua thời kỳ lâu dài, khó khăn, đầy gian khổ. Miền Bắc Việt Nam sẽ tiến dần từng bước lên CNXH. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh tiến lên CNXH ở Việt Nam không thể làm mau được mà phải làm dần dần, “phải trải qua các bước trung gian, quá độ”. Tại HNTU 14 (11-1958), Đảng chủ trương “miền Bắc có thể và cần phải tiến lên theo một nhịp độ nhanh hơn”; đến Đại hội III của Đảng, năm 1960, xác định chuyển phương châm từ tiến dần từng bước sang *tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên CNXH*

Thứ nhất, Đảng chủ trương đưa miền Bắc tiến nhanh lên CNXH vì muốn đáp ứng yêu cầu cấp thiết của phong trào cách mạng cả nước và cách mạng thế giới. “Miền Bắc càng tiến mạnh lên chủ nghĩa xã hội, lực lượng về mọi mặt của miền Bắc càng được tăng cường, thì càng có lợi cho cách mạng giải phóng miền Nam, cho sự phát triển của cách mạng cả nước, cho việc giữ gìn và củng cố hòa bình ở Đông Dương và trên thế giới”¹¹. Đế quốc Mỹ muốn biến Việt Nam thành bàn đạp chống lại phe XHCN, phá hoại phong trào độc lập dân tộc ở Đông Nam Á,

phá hoại hòa bình thế giới. Nếu miền Bắc đi lên CNXH vững vàng, đạt được nhiều thành tựu thì càng có khả năng ngăn chặn âm mưu gây chiến và xâm lược của đế quốc Mỹ, giữ gìn củng cố hòa bình ở Đông Dương, cổ vũ mạnh mẽ phong trào độc lập dân tộc và góp phần tăng cường lực lượng của phe XHCN trên thế giới.

Thứ hai, Đảng cho rằng miền Bắc có thể tiến nhanh, mạnh lên CNXH là dựa trên cơ sở sự lớn mạnh của hệ thống XHCN. Đặc biệt là sự chi phối bởi XHCN, đứng đầu là Liên Xô. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, công cuộc xây dựng CNXH được triển khai theo mô hình kế hoạch hóa tập trung cao. Năm 1936, Stalin tuyên bố Liên Xô kết thúc thời kỳ quá độ. Năm 1952, tại Đại hội XIX của Đảng Cộng sản Liên Xô tuyên bố hiện tại nhiệm vụ chủ yếu của Liên Xô là từng bước quá độ từ CNXH lên CNCS. Trong Đại hội XXII (1961) của Đảng Cộng sản Liên Xô cho rằng Liên Xô đã chuyển sang thời kỳ xây dựng toàn diện CNCS. Thậm chí, Đảng Cộng sản Liên Xô tính toán trong 20 năm nữa Liên Xô sẽ xây dựng thành công về cơ bản xã hội CSCN¹².

Năm 1958, Trung Quốc thực hiện chiến lược “đại nhảy vọt”, hy vọng trong một đến hai thập kỷ có thể vượt nước Anh. Các công xã nhân dân thành lập khắp nơi ở nông thôn. Đảng Cộng sản Trung Quốc cho rằng, bằng công xã nhân dân họ đã tìm ra con đường ngắn nhất có thể “chạy bộ tiến lên chủ nghĩa cộng sản” với tốc độ nhanh¹³. Những năm 60 của thế kỷ XX, các nước Đông Âu cũng tuyên bố kết thúc thời kỳ quá độ.

Miền Bắc tiến nhanh, mạnh, vững chắc lên CNXH là mong muốn của Đảng, của nhân dân Việt Nam. Những lý do Đảng đưa ra để giải thích cho miền Bắc có thể tiến nhanh lên CNXH đều xuất phát từ yêu cầu của cách mạng trong nước, từ sức mạnh của hệ thống XHCN trên thế giới.

Trong khi đó, sức mạnh nội lực của miền Bắc như sự phát triển kinh tế, trình độ khoa học kỹ thuật... được coi là cơ sở, tiền đề quan trọng để có thể đẩy mạnh tốc độ công nghiệp hóa, đưa miền Bắc tiến nhanh lên CNXH lại chưa có. Xuất phát điểm thấp của miền Bắc sau năm 1954 là rào cản rất lớn của quá trình đi lên CNXH. Về sâu xa, đây chính là do tư tưởng chủ quan, nóng vội của Đảng vốn bị ảnh hưởng bởi tư tưởng nhiều nước XHCN, đặc biệt là Liên Xô lúc đó.

Đến năm 1970, trước diễn biến của thực tế, Đảng nhận thức rõ hơn về tính chất khó khăn, gian khổ, lâu dài của thời kỳ quá độ lên CNXH và Đảng đã nêu ra quan niệm về bước đi ban đầu trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở miền Bắc. “Trong điều kiện nước ta, để giải quyết những nhiệm vụ kinh tế cơ bản đó trong bước đi ban đầu (tích lũy vốn cho công nghiệp hóa và cải thiện đời sống nhân dân) chúng ta phải biết xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến hành một sự phân công lao động mới... Trong buổi đầu của thời kỳ quá độ...thì bước đi đầu tiên có ý nghĩa then chốt”¹⁴. Sau này đến đại hội IV năm 1976, luận điểm về bước đi ban đầu không được đề cập.

Về nhiệm vụ: Để đạt được mục tiêu đề ra, Đảng xác định trong thời kỳ quá độ lên CNXH, miền Bắc phải thực hiện hai nhiệm vụ là cải tạo XHCN và xây dựng CNXH. Cải tạo hay xây dựng phải được tiến hành trên tất cả lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật.

Cải tạo XHCN là cải tạo quan hệ sản xuất không XHCN thành quan hệ sản xuất XHCN, mà mấu chốt là “cải biến chế độ sở hữu cá thể và chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất thành các hình thức khác nhau của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa”¹⁵ nhằm giải phóng, mở đường cho sức sản xuất phát triển. Xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm “phát triển sức sản xuất đã được giải phóng, xây dựng cơ sở vật chất và

kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội”, tiến lên “xóa bỏ tình trạng lạc hậu, cải biến nền sản xuất nhỏ thành nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không ngừng phát triển và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới”¹⁶. Cải tạo và xây dựng là hai nhiệm vụ có quan hệ mật thiết trong cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc. Thời kỳ đầu lấy cải tạo làm trọng tâm, đồng thời tiến hành một bước xây dựng CNXH. Khi công cuộc cải tạo XHCN đã giành thắng lợi có tính chất quyết định thì sẽ lấy xây dựng làm trọng tâm, đồng thời hoàn thành công cuộc cải tạo XHCN.

Về phạm vi: Đảng xác định sẽ tiến hành cải tạo và xây dựng trên tất cả lĩnh vực, đặc biệt là kinh tế. *Trên lĩnh vực kinh tế*, cải tạo XHCN phải bắt đầu từ nông nghiệp, phải dựa vào lực lượng của nông dân. Cải tạo nông nghiệp được coi là khâu chính của toàn bộ công cuộc cải tạo XHCN. Miền Bắc cải tạo nông nghiệp theo con đường hợp tác hóa. Đảng khẳng định phải tiến hành công nghiệp hóa và coi đây là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên CNXH ở miền Bắc. Công nghiệp hóa nhằm xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật của CNXH. Thời kỳ này, Đảng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

Ngoài ra, tiến lên CNXH, miền Bắc phải tiến hành đồng thời cách mạng *trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, kỹ thuật*. Trong khi nhấn mạnh vai trò, tính quyết định của kinh tế, Đảng luôn khẳng định văn hóa, tư tưởng, kỹ thuật... đều có sự tác động ngược trở lại hoặc kìm hãm hoặc thúc đẩy kinh tế phát triển. Vì vậy, cải tạo hay xây dựng phải tiến hành đồng thời trên tất cả lĩnh vực, không phải đợi xong cách mạng kinh tế, có cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại rồi mới tiến hành cách mạng trên lĩnh vực khác.

Trên lĩnh vực chính trị, Đảng xác định phải sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản.

Cuộc cách mạng XHCN ở miền Bắc thực hiện nhiệm vụ cải tạo XHCN và xây dựng CNXH, thực chất là cuộc đấu tranh gay go và phức tạp giữa con đường XHCN và con đường TBCN trên các lĩnh vực. Đảng coi Nhà nước dân chủ nhân dân là công cụ sắc bén để tiến hành cải tạo, xây dựng CNXH, đó là nhà nước dân chủ đồng thời là nhà nước chuyên chính mạnh mẽ. Nhà nước vừa mang lại lợi ích, đảm bảo quyền làm chủ cho nhân dân, vừa thực hiện chuyên chính đối với bọn phản cách mạng, nghiêm trị những kẻ phá hoại công cuộc cải tạo và xây dựng, phá hoại công cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà. Nhà nước dùng pháp luật và các các biện pháp đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, chính trị để đánh bại các thế lực thù địch.

4. Một số nhận xét

Về ưu điểm: Thứ nhất, những quan điểm của Đảng về của mục tiêu, mô hình CNXH, về khả năng tiến thẳng lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN, về nội dung của thời kỳ quá độ... có thể coi là sự phát triển trong tiến trình nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH. Đảng đã làm sáng tỏ nhiều nội dung về xã hội XHCN và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam so với thời kỳ 1930-1954. Mục tiêu, đặc trưng của CNXH bước đầu được Đảng xác định. Khả năng tiến thẳng lên CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN ở miền Bắc được Đảng khẳng định và đưa ra luận giải rõ ràng. Hai nhiệm vụ chính được tiến hành trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở miền Bắc đó là xây dựng CNXH và cải tạo XHCN đã được Đảng xác định và định hướng trong các lĩnh vực cụ thể... Thứ hai, nhận thức trên của Đảng góp phần hình thành đường lối cách mạng XHCN, định hướng 21 năm xây dựng CNXH ở miền Bắc. Quá trình đó bước đầu thiết lập một hình thái kinh tế - xã hội XHCN

và quan hệ sản xuất XHCN, tạo ra những thành tựu vô cùng đáng tự hào của miền Bắc. Cơ sở vật chất kỹ thuật ban đầu của CNXH được xây dựng, tạo điều kiện để miền Bắc làm tốt vai trò hậu phương chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam, góp phần quan trọng hoàn thành thắng lợi mục tiêu giải phóng miền Nam thống nhất tổ quốc. Không những vậy, miền Bắc còn đứng vững trong hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Về hạn chế: Nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH còn nhiều hạn chế. Trong thời kỳ quá độ lên CNXH, Đảng bộc lộ tư tưởng nóng vội, dập khuôn máy móc, duy ý chí như không chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần, phủ nhận cơ chế thị trường, chỉ chấp nhận chế độ công hữu với hai hình thức kinh tế quốc doanh và tập thể. Các hợp tác xã được đẩy mạnh cả về số lượng và quy mô. Nhiều hợp tác xã bậc cao được hình thành, với mong muốn nhanh chóng đưa nhân dân vào lối làm ăn tập thể, nhanh chóng xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu đúng là thuộc tính bản chất của CNXH, nhưng nó chỉ được xây dựng trên sự phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Từ quan điểm đến thực tiễn xây dựng CNXH ở miền Bắc cho thấy quan hệ sản xuất đã đẩy lên trước cả sự phát triển của lực lượng sản xuất, bất chấp thực tế về nền kinh tế lạc hậu, chủ yếu là sản xuất nhỏ của miền Bắc. Đảng không đánh giá hết khó khăn, phức tạp của con đường đi lên CNXH nên đã không xác định thời kỳ quá độ lên CNXH ở miền Bắc phải trải qua nhiều chặng mà nhanh chóng muốn đưa miền Bắc “tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc” lên CNXH. Hạn chế này xuất phát từ nhiều nguyên nhân: Bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi mô hình xây dựng CNXH thậm chí cả tư tưởng nóng vội, chủ quan của Liên Xô và các nước XHCN. Chính từ

sự tuyệt đối hóa sức mạnh của Liên Xô, đánh giá quá cao thành tựu của phe XHCN, nên đã coi mô hình, quan niệm của họ như là quy luật chung của các nước đi lên CNXH mà không dựa trên điều kiện thực tế của đất nước. Những hạn chế này không được nhận ra và rút kinh nghiệm kịp thời. Việc tiếp tục duy trì mô hình này giai đoạn sau năm 1975, khiến hạn chế đó bộc lộ mạnh mẽ hơn gây ra hậu quả nghiêm trọng với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH là vấn đề lý luận tổng quát, bao trùm, trở thành cơ sở quan trọng để Đảng đề ra đường lối, chủ trương xây dựng CNXH ở Việt Nam. Thành công và cả những hạn chế trong nhận thức của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở miền Bắc giai đoạn 1954-1975 có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hình thành, phát triển về tư duy lý luận của Đảng về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, đồng thời cũng để lại những bài học lịch sử, góp phần tiếp tục hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới của Đảng.

1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 15, 16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 21, tr. 486, 528-529, 558-559, 505, 531, 505-506, 495, 530, 558, 509, 531, 923

6. *VI Lenin Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, T, 41, tr. 295

12, 13. Chu Thượng Văn, Chu Cẩm Uy, Trần Tích Hỷ: *Chủ nghĩa xã hội là gì? Xây dựng chủ nghĩa xã hội như thế nào? (Bản chất của chủ nghĩa xã hội và con đường phát triển)*, Nxb CTQG, H, 1999, tr. 375, 28

14. Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập, tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb ST, H, 1970, tr. 82-83.